

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Ngọc Sửu.

2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yến – Thư ký Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:**

Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2022, về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Chị Lê Thị Mai D**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn VB, xã ML, huyện TT, tỉnh TB.

*** Bị đơn:** **Anh Vũ Minh T**, sinh năm 1992

HKTT: Thôn TK, xã H, huyện DH, TB.

Hiện đang thi hành án tại: Đội 11, K3, Trại giam số 5 - Địa chỉ: huyện YĐ, tỉnh TH.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn xin ly hôn ngày 01/4/2022 và Bản tự khai ngày 01/4/2022 chị Lê Thị Mai D nguyên đơn trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Vũ Minh T kết hôn ngày 08/11/2017 do tự nguyện có đăng ký tại UBND xã H, huyện DH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hòa thuận, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngày 08/9/2019, anh Vũ Minh T bị bắt về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị xét xử 07 năm 06 tháng tù, khi anh T

chấp hành án chị vẫn chung sống cùng gia đình anh T nhưng do cuộc sống quá áp lực nên tháng 9/2020 chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị xác tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Vũ Minh T.

* *Về con chung*: Chị và anh Vũ Minh T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 12/4/2022, anh Vũ Minh T bị đơn trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Lê Thị Mai D có đăng ký kết hôn vào tháng 12/2017 do tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến ngày 08/9/2019 thì anh vi phạm pháp luật và hiện đang thi hành án tại đội 11, phân trại số 3, Trại giam số 5 Bộ công an. Trong khi anh đi chấp hành án thì tình cảm vợ chồng không còn như trước chị D đã quyết định làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử và anh đồng ý ly hôn với chị D. Hiện anh đang chấp hành án nên không thể có mặt tại Tòa án được đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

* *Về con chung*: Anh và chị D không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn Tòa án đã gửi đầy đủ các tài liệu tố tụng cho anh Vũ Minh T, hiện anh T đang chấp hành án và anh T đã có lời khai nên việc anh T không có mặt làm việc tại Tòa án không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Lê Thị Mai D được ly hôn với anh Vũ Minh T.

+ Về con chung: Chị D và anh T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản và nợ: Chị D và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Lê Thị Mai D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh Vũ Minh T bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện ĐH, tỉnh TB nên căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông

Hung giải quyết là đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa ngày 06/6/2022, anh Vũ Minh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 20/6/2022, anh Vũ Minh T vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Vũ Minh T. Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn ngày 08/11/2017 do tự nguyện có đăng ký tại UBND xã H, huyện DH, tỉnh TB. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngày 08/9/2019, anh Vũ Minh T bị bắt về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và bị xét xử 07 năm 06 tháng tù, khi anh T chấp hành án chị D vẫn chung sống cùng gia đình anh T nhưng do cuộc sống quá áp lực nên tháng 9/2020 chị D đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị D xác tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin được ly hôn, anh Vũ Minh T đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã phân tích, khuyên bảo để chị D cho anh T cơ hội, tuy nhiên chị D vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D, anh T đã trầm trọng và không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị D xin ly hôn, anh T đồng ý nên cần xét xử cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ: Chị D, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mai D được ly hôn anh Vũ Minh T.

2. Về con chung: Chị D và anh T không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Chị D, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mai D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003028 ngày 01/4/2022 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị D, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký**

HOÀNG VĂN THÀNH